

NGHỊ ĐỊNH 253/2026/NĐ-CP — KÊ KHAI, TÍNH THUẾ TNCN

Hướng dẫn Luật Thuế TNCN 109/2025/QH15 · Đối chiếu chi tiết với ND 65/2013

THÔNG TIN VĂN BẢN

Hiệu lực	01/07/2026 (thu nhập KD, tiền lương – tiền công của cá nhân cư trú: từ kỳ tính thuế 2026)
Thay thế	ND 65/2013/ND-CP; bãi bỏ Điều 3 ND 91/2014, Điều 2 ND 12/2015
Hướng dẫn	Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15

MỤC LỤC — bấm vào dòng để mở sheet

Sheet	Nội dung
01	Những thay đổi đáng lưu ý so với ND 65/2013
02	Gỡ bỏ / thay thế cách tính thuế cũ không còn phù hợp
03	Các mức khống chế – ngưỡng của thu nhập không chịu thuế
04	Mở rộng các khoản thu nhập chịu thuế TNCN
05	Mở rộng / điểm mới các khoản thu nhập miễn – giảm thuế
06	Bổ sung các khoản giảm trừ vào thu nhập chịu thuế
07	Cổ phiếu thưởng, ESOP và cổ tức bằng cổ phiếu
08	Thủ tục, điều kiện bắt buộc và chuyển tiếp
09	Thuế suất TNCN theo từng loại thu nhập (cá nhân cư trú)
10	Thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú

NHỮNG THAY ĐỔI ĐÁNG LƯU Ý SO VỚI NĐ 65/2013

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.

Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

NĐ 253/2026 thay thế toàn bộ NĐ 65/2013. Không đảo lộn bản chất thuế TNCN nhưng chi tiết hóa mạnh các khoản phúc lợi, chuẩn hóa cách tính thuế chuyển nhượng và mở rộng phạm vi thu nhập chịu thuế sang mô hình kinh tế số.

Nhóm nội dung	Kết luận nhanh				
Cá nhân cư trú	Giữ nguyên tắc 183 ngày/nơi ở thường xuyên, hướng dẫn chi tiết hơn cách đếm ngày và chứng minh cư trú nước ngoài.				
Tiền lương, tiền công	Chi tiết hóa mạnh các khoản phúc lợi, lợi ích, tiền ăn, tiền nhà, bảo hiểm, thưởng cổ phiếu.				
Chuyển nhượng BĐS / chứng khoán Vãng lai	BDS về 2% trên giá; chứng khoán về 0,1%/lần — bỏ cách tính trên lãi.				
	Ngưỡng khấu trừ 10% tăng lên 5 triệu/lần; miễn quyết toán phần vãng lai đến 15 triệu/tháng.				
Kinh tế số	Bổ sung TMDT, nền tảng số, tên miền .vn, tín chỉ carbon, biên số đấu giá, tài sản số.				

Nội dung so sánh	NĐ 65/2013/NĐ-CP (cũ)	NĐ 253/2026/NĐ-CP (mới)	Điểm thay đổi chính	Lưu ý thực tế (kế toán)	Căn cứ (Điều)
1. Xác định cá nhân cư trú	Cư trú nếu có mặt ≥183 ngày trong năm dương lịch hoặc 12 tháng liên tục, hoặc có nơi ở thường xuyên; nếu ở thường xuyên nhưng <183 ngày mà không chứng minh cư trú nước khác thì vẫn là cư trú VN.	Giữ tiêu chí 183 ngày và nơi ở thường xuyên; bổ sung cách đếm ngày: ngày đến/đi đều tính 1 ngày; nhập–xuất cảnh cùng ngày tính chung 1 ngày.	Không đổi bản chất, hướng dẫn kỹ hơn cách đếm ngày cư trú, nhất là expat ra/vào nhiều lần.	Hồ sơ expat cần lưu hộ chiếu, lịch nhập–xuất cảnh, giấy chứng nhận cư trú nước ngoài nếu muốn chứng minh không cư trú VN.	Điều 4
2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công	Gồm tiền lương, tiền công, phụ cấp, trợ cấp, thù lao, tiền tham gia hội đồng...; quy định khái quát.	Chi tiết hóa mạnh: liệt kê rõ khoản nào tính/không tính thuế (ăn ca, tiền nhà, bảo hiểm, thưởng cổ phiếu, lợi ích khác).	Ranh giới chịu thuế/không chịu thuế rõ ràng hơn nhiều, giảm tranh cãi khi thanh tra.	Payroll rà lại quy chế lương – thưởng – phúc lợi theo bản chất từng khoản, không chỉ theo tên gọi.	Điều 8
3. Giảm trừ gia cảnh	Mức và nguyên tắc theo Luật; mỗi người phụ thuộc chỉ tính giảm trừ một lần cho một người nộp thuế.	Điều 47 dẫn chiếu mức theo Điều 10 Luật TNCN; làm rõ đối tượng, đăng ký, hồ sơ; mỗi NPT chỉ tính một lần.	Bản thân NĐ KHÔNG ghi con số; mức 15,5 tr/bản thân và 6,2 tr/người phụ thuộc do Luật/Nghị quyết UBTVQH ấn định.	Khi tư vấn khách, dẫn nguồn con số là Luật/Nghị quyết, không phải NĐ 253. Bản thân được tính đủ 12 tháng khi quyết toán.	Điều 47; Điều 48
4. Thuế chuyển nhượng bất động sản	25% trên thu nhập tính thuế (lãi); nếu không xác định được giá vốn/chi phí thì 2% trên giá chuyển nhượng.	Thống nhất một cách: 2% trên giá chuyển nhượng.	Bỏ cơ chế 25% trên lãi, chỉ còn 2% trên giá bán — đơn giản, dễ áp dụng.	Không diễn đạt là 'giảm thuế BDS'; nên nói 'chuẩn hóa cách tính về 2% trên giá chuyển nhượng'.	Điều 57
5. Thuế chuyển nhượng chứng khoán	20% trên thu nhập tính thuế cả năm, hoặc 0,1% trên giá bán từng lần nếu không đủ điều kiện quyết toán 20%.	Thống nhất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.	Bỏ phương án 20% trên lãi cả năm, chỉ còn 0,1%.	Đơn giản hóa; không còn lựa chọn quyết toán 20% cuối năm như trước.	Điều 54
6. Thu nhập vãng lai & khấu trừ 10%	Ngưỡng khấu trừ 10% tại nguồn: từ 2 triệu/lần; ngưỡng miễn quyết toán phần vãng lai: 10 triệu/tháng.	Ngưỡng khấu trừ 10% nâng lên 05 triệu/lần; miễn quyết toán nếu vãng lai bình quân ≤15 triệu/tháng đã khấu trừ	Cả hai ngưỡng đều nâng lên, giảm số lần phải khấu trừ và quyết toán vật.	Cập nhật cấu hình phần mềm lương: mốc khấu trừ 5 triệu/lần; cho phép làm cam kết nếu ước	Điều 50; Điều 51

		10%.		tính chưa tới mức chịu thuế.	
7. Thu nhập từ mô hình kinh tế số	NĐ 65 chưa nêu riêng TMĐT/nền tảng số, tài sản số.	Đưa vào diện chịu thuế: kinh doanh TMĐT/nền tảng số, tên miền '.vn', tín chỉ carbon, biên số trúng đấu giá, tài sản số/mã hóa.	Mở rộng phạm vi nhận diện thu nhập chịu thuế sang tài sản/mô hình mới.	Lưu ý cá nhân bán hàng qua sàn, livestream, affiliate, creator; tài sản số đánh thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng.	Điều 7; Điều 16
8. Góp vốn bằng tài sản	Quy định chưa thật rõ thời điểm phát sinh thuế.	Chưa nộp thuế khi góp vốn; xử lý thuế khi chuyển nhượng/rút vốn/giải thể.	Làm rõ thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế — dời về thời điểm thoái vốn.	Theo dõi giá vốn phần góp bằng tài sản để tính thuế đúng khi thoái vốn về sau.	Điều 10

GỖ BỎ / THAY THẾ CÁCH TÍNH THUẾ CŨ KHÔNG CÒN PHÙ HỢP

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

NĐ 253 không chỉ bổ sung khoản mới mà còn gỡ bỏ một số phương pháp tính thuế cũ theo hướng đơn giản hóa: bỏ 25% trên lãi BĐS, bỏ 20% trên lãi chứng khoán, không còn quy định trực tiếp ấn định tỷ lệ TNCT của cá nhân kinh doanh như NĐ 65.

Điểm gỡ bỏ / thay thế	NĐ 65/2013/NĐ-CP (cũ)	NĐ 253/2026/NĐ-CP (mới)	Bản chất thay đổi	Cách hiểu đúng	Căn cứ (Điều)
1. Bỏ cách tính 25% trên lãi chuyển nhượng BĐS	Điều 22 NĐ 65: thuế TNCN chuyển nhượng BĐS = 25% trên thu nhập tính thuế; không xác định được giá vốn thì 2% trên giá.	Chuyển nhượng BĐS = giá chuyển nhượng × 2%.	Cơ chế cũ 2 hướng (25% trên lãi hoặc 2% trên giá) → còn một phương pháp thống nhất 2% trên giá.	Không viết 'giảm thuế BĐS'; nên viết 'chuẩn hóa về 2% trên giá chuyển nhượng thay cho 25% trên lãi'.	Điều 57
2. Bỏ cách tính 20% trên lãi chuyển nhượng chứng khoán	Khoản 2 Điều 17 NĐ 65: cá nhân có thể nộp 20% trên TNCT cả năm, hoặc 0,1% trên giá bán từng lần.	Chuyển nhượng chứng khoán = giá chuyển nhượng × 0,1% từng lần.	Bỏ cơ chế 20% trên lãi cả năm; chỉ còn 0,1% trên giá từng lần.	Đơn giản hóa; không còn lựa chọn quyết toán 20% cả năm như NĐ 65.	Điều 54
3. Bỏ quy định trực tiếp ấn định tỷ lệ với cá nhân kinh doanh	Điều 10 NĐ 65 quy định trường hợp cá nhân kinh doanh không thực hiện đầy đủ chế độ kế toán thì bị ấn định.	NĐ 253 không quy định trực tiếp cơ chế này trong phần tính thuế cá nhân kinh doanh (dẫn chiếu pháp luật quản lý thuế).	Cơ chế quản lý thuế cá nhân kinh doanh chuyển sang khung quản lý thuế / hộ khoán riêng.	Không viết 'bỏ ấn định thuế'; nên viết 'chuyển cơ chế quản lý sang pháp luật quản lý thuế'.	Điều 45; Điều 63
4. Chuẩn hóa thuế trúng thưởng, thừa kế, quà tặng	Ngưỡng và cách tính rải rác, mức khởi điểm 10 triệu.	Thống nhất: chỉ tính thuế phần vượt 20 triệu đồng/lần với trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền, thừa kế, quà tặng.	Nâng ngưỡng khởi điểm và gom về một mốc 20 triệu/lần.	Rà lại các khoản thưởng/quà tặng cho cá nhân: dưới 20 triệu/lần không phát sinh thuế.	Điều 58–61; Điều 62

CÁC MỨC KHÔNG CHẾ – NGƯỠNG CỦA THU NHẬP KHÔNG CHỊU THUẾ

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

NGH 253 đặt ra nhiều mức trần và ngưỡng kiểm soát. Khi vượt các mức này, khoản chi/thu nhập chuyển từ 'không tính thuế / được giảm trừ' sang 'phải tính vào thu nhập chịu thuế hoặc không được giảm trừ'.

Nhóm nội dung	Kết luận nhanh
Ăn ca / tiền nhà	Ăn ca ≤1,2 tr/tháng; tiền nhà trả thay ≤15% tổng thu nhập chịu thuế.
Bảo hiểm tự nguyện	Hưu trí bổ sung / tự nguyện / nhân thọ ≤3 tr/tháng (gồm cả phần DN đóng).
Y tế + giáo dục	Y tế ≤23 tr/năm, giáo dục ≤24 tr/năm, tổng ≤47 tr/năm — khoản giảm trừ MỚI.
Thu nhập đặc thù	Trúng thưởng/thừa kế/quà tặng: chỉ tính phần vượt 20 tr/lần.

Loại giới hạn	Mức cần nhớ	Bản chất / phạm vi	Khi vượt ngưỡng xử lý thế nào	Lưu ý kiểm soát hồ sơ	Căn cứ (Điều)
Tiền ăn giữa ca / ăn trưa không tính thuế	Tối đa 1,2 triệu đồng/người/tháng	Điểm g khoản 2 Điều 8 — áp dụng từ 01/07/2026.	Phần vượt 1,2 triệu tính vào thu nhập chịu thuế; nếu DN tự tổ chức bữa ăn (nấu/mua suất/phieu ăn) thì không tính thuế.	Ghi rõ hình thức chi trong quy chế; nếu cấp tiền mặt phải theo mốc 1,2 triệu.	Điều 8
Tiền thuê nhà trả thay	Tối đa 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa gồm tiền nhà)	Tính theo thực tế nhưng không chế 15%.	Phần vượt 15% tính vào thu nhập chịu thuế.	Lưu hợp đồng thuê, chứng từ trả tiền nhà đứng tên đơn vị hoặc trả thay.	Điều 8
Bảo hiểm hưu trí bổ sung / tự nguyện / nhân thọ	Tối đa 3 triệu đồng/tháng	Gồm cả phần DN đóng và người lao động tự đóng.	Phần vượt 3 triệu/tháng không được trừ / tính vào thu nhập chịu thuế theo quy định.	Theo dõi tổng mức đóng của từng người lao động theo tháng.	Điều 8; Điều 49
Giảm trừ chi phí y tế	Tối đa 23 triệu đồng/năm	Khám chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước thuộc danh mục BHYT chi trả (bản thân + người phụ thuộc).	Phần vượt 23 triệu/năm không được giảm trừ.	Phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp; cơ sở y tế trong nước.	Điều 49
Giảm trừ chi phí giáo dục – đào tạo	Tối đa 24 triệu đồng/năm	Học phí từ mầm non đến đại học và kỹ năng chuyên môn tại cơ sở giáo dục trong nước (bản thân + người phụ thuộc).	Phần vượt 24 triệu/năm không được giảm trừ.	Lưu hóa đơn học phí; cơ sở giáo dục trong nước.	Điều 49
Tổng giảm trừ y tế + giáo dục	Tối đa 47 triệu đồng/năm	Cộng gộp hai nhóm trên.	Không được giảm trừ phần vượt tổng 47 triệu/năm.	Là khoản giảm trừ MỚI so với NGH 65 — cần thu thập chứng từ ngay từ đầu năm.	Điều 49
Trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền, thừa kế, quà tặng	Chỉ tính thuế phần vượt 20 triệu đồng/lần	Ngưỡng khởi điểm chịu thuế.	Dưới 20 triệu/lần không phát sinh thuế; trên thì tính phần vượt.	Xác định đúng 'từng lần' phát sinh.	Điều 58–61
Tài sản số / tài sản ảo / tài sản mã hóa	Thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng	Khoản thu nhập mới đưa vào diện chịu thuế.	Nộp 0,1% trên giá mỗi lần chuyển nhượng.	Theo dõi giao dịch tài sản số của cá nhân nếu có phát sinh.	Điều 16; Điều 62

MỞ RỘNG CÁC KHOẢN THU NHẬP CHỊU THUẾ TNCN

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

NĐ 253 mở rộng phạm vi nhận diện thu nhập chịu thuế đối với các mô hình kinh doanh và tài sản mới: thương mại điện tử, nền tảng số, tên miền '.vn', tín chỉ carbon, biển số xe trúng đấu giá và tài sản số.

Khía cạnh	NĐ 65/2013/NĐ-CP (cũ)	NĐ 253/2026/NĐ-CP (mới)	So sánh / điểm mới	Lưu ý kê khai	Căn cứ (Điều)
Hiệu lực văn bản	Ban hành 27/06/2013, hiệu lực 01/07/2013.	Hiệu lực 01/07/2026; thay thế toàn bộ NĐ 65/2013.	NĐ 253 là văn bản thay thế toàn bộ NĐ 65.	Áp dụng từ 01/07/2026; riêng thu nhập từ kinh doanh, tiền lương – tiền công của cá nhân cư trú áp dụng từ kỳ tính thuế 2026.	Điều 69
Cấu trúc thu nhập chịu thuế	Điều 3 NĐ 65 liệt kê các nhóm thu nhập chịu thuế.	Điều 6 dẫn chiếu; các loại thu nhập chi tiết tại Điều 7 đến Điều 16.	Tách rõ hơn từng nhóm thu nhập, bổ sung nhóm 'thu nhập khác' tại Điều 16.	Rà lại danh mục thu nhập theo bản chất giao dịch, không chỉ theo tên hợp đồng.	Điều 6; Điều 7–16
Thu nhập từ kinh doanh truyền thống	Sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; hành nghề độc lập có giấy phép/chứng chỉ.	Kế thừa; bổ sung rõ đại lý, môi giới, hợp tác kinh doanh.	Nhóm truyền thống vẫn được kế thừa, mở rộng phạm vi quản lý.	Không viết 'bỏ cách tính cũ'; nên viết 'kế thừa và mở rộng phạm vi quản lý'.	Điều 7
Thu nhập từ TMĐT, nền tảng số	NĐ 65 chưa nêu riêng nhóm TMĐT/nền tảng số trong Điều 3.	Điều 7 bổ sung: thu nhập từ kinh doanh TMĐT, kinh doanh dựa trên nền tảng số.	Điểm mới quan trọng: đưa hoạt động kinh doanh số vào nhóm thu nhập từ kinh doanh.	Lưu ý cá nhân bán hàng qua sàn, livestream, affiliate, creator, app, nền tảng đặt hàng/thanh toán.	Điều 7
Tài sản mới: tên miền, tín chỉ carbon, biển số	Chưa quy định.	Đưa vào diện chịu thuế: chuyển nhượng tên miền '.vn', tín chỉ carbon, biển số xe trúng đấu giá.	Bổ sung loại tài sản/quyền tài sản mới phát sinh trên thực tế.	Xác định 'từng lần' chuyển nhượng và giá chuyển nhượng; chuyển nhượng tín chỉ carbon LẦN ĐẦU được miễn (Điều 34).	Điều 16
Tài sản số / tài sản mã hóa	Chưa quy định.	Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số/tài sản mã hóa chịu thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng.	Lần đầu đưa tài sản số vào diện chịu thuế TNCN.	Theo dõi giao dịch qua sàn tài sản số; giữ chứng từ giá chuyển nhượng.	Điều 16; Điều 62

MỞ RỘNG / ĐIỂM MỚI CÁC KHOẢN THU NHẬP MIỄN – GIẢM THUẾ

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

NĐ 253 kế thừa và làm rõ điều kiện nhiều khoản miễn thuế, đồng thời BỔ SUNG nhiều khoản miễn/giảm mới đáng chú ý (làm thêm giờ, tín chỉ carbon lần đầu, trái phiếu xanh, chứng chỉ quỹ mở, lợi tức quỹ đầu tư, nhân lực công nghệ số).

Khoản miễn / giảm thuế	NĐ 65/2013/NĐ-CP (cũ)	NĐ 253/2026/NĐ-CP (mới)	Điểm thay đổi chính	Lưu ý thực tế (kế toán)	Căn cứ (Điều)
BĐS giữa các thành viên gia đình	Miễn thuế chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng BĐS giữa người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng.	Kế thừa; liệt kê rõ quan hệ gần gũi được miễn.	Làm rõ phạm vi quan hệ được miễn.	Lưu giấy tờ chứng minh quan hệ nhân thân khi làm hồ sơ miễn thuế.	Điều 18
Nhà ở, đất ở duy nhất	Miễn thuế với nhà/đất ở duy nhất, điều kiện chung.	Miễn nếu sở hữu tối thiểu 183 ngày và chuyển nhượng TOÀN BỘ; chuyển nhượng một phần không được miễn.	Siết điều kiện: đủ 183 ngày sở hữu + chuyển nhượng toàn bộ.	Cá nhân tự kê khai, chịu trách nhiệm; kê khai sai bị truy thu, phạt. Không áp dụng cho nhà ở hình thành trong tương lai.	Điều 19
Nông – lâm – ngư – diêm nghiệp	Miễn cho hộ, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.	Kế thừa; kèm điều kiện (chưa qua chế biến hoặc chỉ sơ chế thông thường).	Làm rõ điều kiện được miễn.	Phân biệt sản phẩm sơ chế (miễn) và đã qua chế biến (không miễn).	Điều 21
Lãi tiết kiệm, kiều hối, lương hưu, học bổng, bồi thường bảo hiểm	Miễn theo Luật.	Kế thừa: lãi tiền gửi TCTD, lãi trái phiếu Chính phủ, kiều hối, lương hưu, học bổng, bồi thường bảo hiểm, bồi thường nhà nước.	Gom và liệt kê rõ các khoản miễn quen thuộc.	Giữ chứng từ nguồn thu nhập khi cần chứng minh miễn thuế.	Điều 24; Điều 25; Điều 27; Điều 28; Điều 29
Trợ cấp thôi việc, mất việc vượt mức luật	Phần vượt thường bị soi.	Nếu có quy chế tài chính/nội bộ/HĐLĐ/thỏa ước quy định mức cao hơn thì phần chi thực tế vượt mức luật KHÔNG tính vào thu nhập chịu thuế.	Có lợi cho người lao động khi DN có quy chế rõ ràng.	Bảo đảm có quy chế/thỏa ước ghi rõ mức trợ cấp trước khi chi.	Điều 8
Tiền làm thêm giờ, làm ban đêm (ĐIỂM MỚI)	Không nêu rõ.	Miễn thuế phần thu nhập tăng thêm do làm thêm giờ, làm ban đêm được trả cao hơn so với làm giờ hành chính/ban ngày.	Làm rõ và ưu đãi phần thu nhập tăng thêm do tăng ca.	Tách riêng phần lương tăng thêm do tăng ca trên bảng lương để áp miễn thuế đúng.	Điều 26
Tín chỉ các-bon lần đầu, trái phiếu xanh (ĐIỂM MỚI)	Không có.	Miễn thuế chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải / tín chỉ các-bon LẦN ĐẦU; lãi và chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu.	Khoản miễn hoàn toàn mới theo định hướng kinh tế xanh.	Lưu ý phân biệt 'lần đầu' (miễn) và các lần sau (chịu thuế thu nhập khác).	Điều 34
Chứng chỉ quỹ mở (ĐIỂM MỚI)	Không có.	Miễn thuế chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở nếu nắm giữ từ đủ 02 năm trở lên.	Ưu đãi cho đầu tư dài hạn qua quỹ mở.	Theo dõi thời điểm mua để xác định điều kiện đủ 2 năm.	Điều 43
Lợi tức từ quỹ đầu tư chứng khoán / BĐS (ĐIỂM MỚI)	Không có.	Giảm 50% thuế TNCN đối với lợi tức được chia từ quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư BĐS trong 5 năm (01/7/2026 – 30/6/2031).	Ưu đãi giảm 50% có thời hạn.	Áp dụng đúng khung thời gian 2026–2031.	Điều 44

Nhân lực công nghệ số / công nghệ cao (ĐIỂM MỚI)	Không có.	Miễn thuế TNCN đối với cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và nhân lực công nghệ cao (theo điều kiện).	Ưu đãi thu hút nhân lực công nghệ.	Rà đối tượng đủ điều kiện theo danh mục ngành/ngành công nghệ.	Điều 41; Điều 42
Thu nhập từ khởi nghiệp sáng tạo (ĐIỂM MỚI)	Không có.	Ưu đãi thuế cho nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia, sáng lập viên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; nhà đầu tư góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm.	Khuyến khích đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.	Áp dụng cho cá nhân tham gia hệ sinh thái khởi nghiệp đủ điều kiện.	Điều 37
Thu nhập từ nhiệm vụ KHCN, đổi mới sáng tạo (ĐIỂM MỚI)	Không có.	Miễn thuế tiền lương – tiền công và thu nhập từ quyền tác giả khi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Ưu đãi cho hoạt động KHCN.	Tách riêng phần thu nhập từ nhiệm vụ KHCN để áp miễn thuế.	Điều 35; Điều 36
Giảm thuế do thiên tai, bệnh hiểm nghèo	Xét giảm theo mức độ thiệt hại.	Giảm thuế TNCN do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế.	Kế thừa, làm rõ điều kiện xét giảm.	Chuẩn bị hồ sơ chứng minh thiệt hại/bệnh hiểm nghèo khi đề nghị giảm.	Điều 40

BỔ SUNG CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ VÀO THU NHẬP CHỊU THUẾ

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

Ngoài giảm trừ gia cảnh và bảo hiểm bắt buộc, **NĐ 253** bổ sung nhóm giảm trừ **MỚI** cho chi phí y tế và giáo dục — điểm rất đáng lưu ý vì cần thu thập hóa đơn, chứng từ ngay từ đầu năm.

Nội dung so sánh	NĐ 65/2013/NĐ-CP (cũ)	NĐ 253/2026/NĐ-CP (mới)	Điểm thay đổi chính	Lưu ý thực tế (kế toán)	Căn cứ (Điều)
Giảm trừ gia cảnh (bản thân)	Mức theo Luật; tính khi quyết toán.	Được tính đủ 12 tháng khi quyết toán (kể cả phát sinh giữa năm); mức theo Điều 10 Luật TNCN.	Làm rõ nguyên tắc tính đủ 12 tháng.	Con số 15,5 tr/tháng do Luật/Nghị quyết ấn định — dẫn nguồn đúng.	Điều 47
Giảm trừ người phụ thuộc	Mỗi NPT chỉ tính cho một người nộp thuế; đăng ký NPT.	Bổ sung đối tượng: con từ 18 tuổi trở lên không có khả năng lao động; phải đăng ký thuế và nộp hồ sơ chứng minh trước 31/12.	Mở rộng đối tượng NPT + siết thời hạn đăng ký.	Nhắc khách hoàn tất đăng ký NPT và hồ sơ trước 31/12 của năm tính thuế.	Điều 47; Điều 48
Bảo hiểm bắt buộc	Được trừ BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bắt buộc.	Kế thừa nguyên tắc được trừ toàn bộ phần bắt buộc.	Không đổi.	Đối chiếu số liệu bảo hiểm với cơ quan BHXH khi quyết toán.	Điều 49
Bảo hiểm hưu trí bổ sung / nhân thọ	Mức trừ hạn chế.	Tối đa 03 triệu đồng/tháng (gồm cả phần DN đóng và NLĐ tự đóng).	Định mức rõ 3 triệu/tháng.	Theo dõi tổng mức đóng theo tháng của từng NLĐ.	Điều 8; Điều 49
Giảm trừ chi phí y tế (MỚI)	Không có.	Tối đa 23 triệu đồng/năm cho khám chữa bệnh trong nước (bản thân + NPT), thuộc danh mục BHYT.	Khoản giảm trừ hoàn toàn MỚI.	Thu thập hóa đơn viện phí hợp pháp; cơ sở y tế trong nước.	Điều 49
Giảm trừ chi phí giáo dục (MỚI)	Không có.	Tối đa 24 triệu đồng/năm cho học phí mầm non → đại học và kỹ năng chuyên môn trong nước (bản thân + NPT).	Khoản giảm trừ hoàn toàn MỚI.	Thu thập hóa đơn học phí; cơ sở giáo dục trong nước. Tổng y tế + giáo dục tối đa 47 triệu/năm.	Điều 49
Đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Được trừ theo Luật.	Kế thừa; cần văn bản/quyết định và chứng từ chi của tổ chức, quỹ hợp pháp.	Giữ nguyên, làm rõ chứng từ.	Lưu chứng từ đóng góp cho quỹ được phép thành lập/công nhận.	Điều 49

CỔ PHIẾU THƯỜNG, ESOP VÀ CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU

*Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.*

NĐ 253 quy định cụ thể thời điểm và cách tính thuế với cổ phiếu thường, cổ phiếu ESOP và cổ tức bằng cổ phiếu — nguyên tắc chung: CHƯA nộp thuế khi nhận, chỉ nộp khi CHUYỂN NHƯỢNG.

Trường hợp	Thời điểm nhận	Khi chuyển nhượng	Căn cứ tính thuế	Lưu ý kê khai	Căn cứ (Điều)
Cổ phiếu thường cho NLĐ	Chưa tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công khi nhận cổ phiếu.	Nộp thuế TNCN từ tiền lương – tiền công; đồng thời nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán 0,1%.	Số tiền chi cho NLĐ ghi trên sổ sách tại thời điểm thưởng; nếu không xác định được thì = số lượng × mệnh giá (thấp hơn mệnh giá thì theo giá thị trường lúc chuyển nhượng).	Công ty chứng khoán/NH nơi lưu ký khấu trừ 10%; cá nhân tổng hợp vào thu nhập TL-TC khi quyết toán.	Điều 46; Điều 54
Cổ phiếu ESOP (mua giá ưu đãi)	Chưa tính thuế TL-TC khi nhận/mua ESOP.	Nộp thuế TL-TC + thuế chuyển nhượng chứng khoán 0,1% khi bán.	Số tiền chi ghi trên sổ sách tại thời điểm phát hành ESOP; nếu không xác định được thì = số lượng × mệnh giá – tiền NLĐ đã bỏ ra; chênh lệch âm thì không nộp thuế TL-TC.	Bán cổ phiếu cùng loại thì nộp thuế TL-TC cho tới khi hết số cổ phiếu thường/ESOP.	Điều 46; Điều 54
Cổ tức bằng cổ phiếu / cổ phiếu từ nguồn vốn CSH	Chưa nộp thuế đầu tư vốn khi nhận.	Khi chuyển nhượng: nộp thuế đầu tư vốn (phần chưa nộp lúc nhận) + thuế chuyển nhượng chứng khoán.	Giá trị cổ tức ghi trên sổ sách, hoặc số lượng × mệnh giá; giá bán thấp hơn mệnh giá thì theo giá thị trường lúc chuyển nhượng.	Bán cổ phiếu cùng loại thì nộp thuế đầu tư vốn cho tới khi hết số cổ phiếu nhận thay cổ tức.	Điều 52; Điều 54

THỦ TỤC, ĐIỀU KIỆN BẮT BUỘC VÀ CHUYỂN TIẾP

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

Các thay đổi về khấu trừ, quyết toán, hoàn thuế và điều khoản chuyển tiếp mà kế toán cần nắm để làm đúng ngay từ kỳ 2026.

Nội dung	Quy định ND 253/2026	Ngưỡng / mốc quan trọng	Ý nghĩa với kế toán	Lưu ý thực tế	Căn cứ (Điều)
Khấu trừ 10% tại nguồn	Chi trả cho cá nhân không ký HĐLĐ hoặc HĐLĐ dưới 3 tháng: khấu trừ 10% trước khi trả.	Ngưỡng 05 triệu đồng/lần trở lên.	Cấu hình lại mốc khấu trừ trong phần mềm lương (từ 2 → 5 triệu).	Cho phép cá nhân làm cam kết tạm chưa khấu trừ nếu ước tính chưa đến mức chịu thuế (phải có MST).	Điều 50
Miễn quyết toán thu nhập vãng lai	Cá nhân có thêm thu nhập vãng lai đã khấu trừ 10% được miễn quyết toán phần vãng lai.	Bình quân ≤ 15 triệu đồng/tháng.	Giảm khối lượng quyết toán vật cho cá nhân.	Xác định đúng bình quân tháng của phần vãng lai.	Điều 51
Quyết toán thuế	Cá nhân cư trú có thu nhập TL-TC quyết toán trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức chi trả.	—	Rà điều kiện ủy quyền quyết toán của NLĐ.	Miễn quyết toán nếu số thuế phải nộp thêm dưới mức quy định.	Điều 51; Điều 68
Hoàn thuế	Được hoàn nếu số đã nộp lớn hơn số phải nộp sau quyết toán, hoặc thu nhập chưa đến mức phải nộp.	—	Theo dõi số nộp thừa để làm hồ sơ hoàn.	Cá nhân phải có MST và tài khoản để nhận hoàn.	Điều 68
Đăng ký người phụ thuộc	Phải đăng ký thuế và nộp hồ sơ chứng minh NPT.	Trước ngày 31/12 của năm tính thuế.	Nhắc khách hoàn tất hồ sơ NPT đúng hạn.	Quá hạn có thể không được tính giảm trừ cho năm đó.	Điều 47; Điều 48
Chuyển tiếp kỳ 2026	Đã kê khai, nộp thuế TL-TC cho kỳ 2026 trước ngày ND có hiệu lực thì không phải nộp lại tờ khai tháng/quý.	Điều chỉnh khi khai quyết toán năm 2026.	Không phải làm lại tờ khai đã nộp trước 01/07/2026.	Ghi nhận chênh lệch (nếu có) để điều chỉnh vào quyết toán năm.	Điều 70

THUẾ SUẤT TNCN THEO TỪNG LOẠI THU NHẬP (CÁ NHÂN CƯ TRÚ)

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

Bảng tra nhanh thuế suất và cơ sở tính thuế cho từng loại thu nhập của cá nhân cư trú theo NG 253/2026. Các khoản trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền, thừa kế, quà tặng và thu nhập khác chỉ tính trên phần vượt 20 triệu đồng/lần.

Loại thu nhập	Thuế suất	Cơ sở tính thuế	Ngưỡng / điều kiện	Lưu ý thực tế	Căn cứ (Điều)
Tiền lương, tiền công	Biểu lũy tiến từng phần	Thu nhập tính thuế × biểu lũy tiến (Điều 9 Luật TNCN).	Sau khi trừ bảo hiểm bắt buộc, giảm trừ gia cảnh và các khoản giảm trừ.	Quyết toán theo năm; khấu trừ hàng tháng theo lũy tiến.	Điều 46
Đầu tư vốn (cổ tức, lãi cho vay)	5%	Thu nhập tính thuế × 5%.	Cổ tức bằng cổ phiếu: nộp khi chuyển nhượng.	Tổ chức chi trả khấu trừ 5% tại nguồn.	Điều 52
Chuyển nhượng vốn góp	20% (hoặc 2%)	(Giá bán – giá mua – chi phí) × 20%; nếu không xác định được giá mua thì giá chuyển nhượng × 2%.	Từng lần chuyển nhượng.	Lưu hồ sơ giá vốn để được áp 20% trên lãi thay vì 2% trên giá.	Điều 53
Chuyển nhượng chứng khoán	0,1%	Giá chuyển nhượng × 0,1% từng lần.	Bỏ phương án 20% trên lãi cả năm.	Công ty chứng khoán khấu trừ 0,1% mỗi lần bán.	Điều 54
Chuyển nhượng bất động sản	2%	Giá chuyển nhượng × 2% (giá ghi trên hợp đồng).	Bỏ cách tính 25% trên lãi.	Miễn với nhà/đất ở duy nhất đủ điều kiện (Điều 19).	Điều 57
Trúng thưởng	10%	Phần vượt 20 triệu đồng/lần × 10%.	Ngưỡng 20 triệu/lần.	Áp dụng cho trúng thưởng xổ số, khuyến mại, đặt cược...	Điều 58
Tiền bản quyền	5%	Phần vượt 20 triệu đồng × 5%.	Ngưỡng 20 triệu theo hợp đồng.	Tính trên tổng các hợp đồng cùng một đối tượng.	Điều 59
Nhượng quyền thương mại	10%	Phần vượt 20 triệu đồng × 10%.	Ngưỡng 20 triệu theo hợp đồng.	Tính trên tổng các hợp đồng cùng quyền thương mại.	Điều 60
Thừa kế, quà tặng	10%	Phần vượt 20 triệu đồng × 10%.	Ngưỡng 20 triệu/lần.	Theo giá thị trường của tài sản tại thời điểm phát sinh.	Điều 61
Thu nhập khác (tên miền .vn, tín chỉ carbon, biên số)	5%	Phần vượt 20 triệu đồng/lần × 5%.	Ngưỡng 20 triệu/lần.	Chuyển nhượng tín chỉ carbon LẦN ĐẦU được miễn (Điều 34).	Điều 62
Tài sản số / tài sản mã hóa	0,1%	Giá chuyển nhượng × 0,1%.	Không áp ngưỡng 20 triệu.	Theo đối giao dịch qua sàn tài sản số.	Điều 62

THUẾ TNCN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ

Lưu ý: Thông tin chỉ mang tính tham khảo; khi áp dụng cho từng hồ sơ cần đối chiếu toàn văn.
Nguồn: Toàn văn Nghị định (PDF ký số Chính phủ + text đã đối chiếu từng điều) — biên soạn bởi ketoanthue.net.

Cá nhân không cư trú nộp thuế theo cách riêng: tiền lương – tiền công 20% (không giảm trừ gia cảnh); các loại thu nhập khác áp dụng cùng thuế suất như cá nhân cư trú (Điều 65 dẫn về Điều 52–62).

Loại thu nhập	Thuế suất	Cơ sở tính thuế	Khác với cá nhân cư trú	Lưu ý thực tế	Căn cứ (Điều)
Tiền lương, tiền công	20%	Tổng tiền lương do thực hiện công việc tại Việt Nam × 20%.	KHÔNG được giảm trừ gia cảnh, giảm trừ khác.	Phân bổ đúng phần thu nhập phát sinh tại VN với expat làm việc nhiều nơi.	Điều 64
Thu nhập từ kinh doanh	Theo tỷ lệ % ngành	Doanh thu × tỷ lệ theo khoản 3 Điều 20 Luật TNCN.	Tính trên doanh thu, không trừ chi phí.	Xác định đúng nhóm ngành để áp tỷ lệ.	Điều 63
Đầu tư vốn / chuyển nhượng vốn / chứng khoán / BĐS	Như cá nhân cư trú	Áp dụng thuế suất tại Điều 52–57 (5% / 20% / 0,1% / 2%).	Cùng thuế suất, khác thủ tục khấu trừ – kê khai thay.	Tổ chức tại VN khấu trừ, khai thay, nộp thay.	Điều 65; Điều 52–57
Bản quyền / nhượng quyền / thừa kế / quà tặng / thu nhập khác	Như cá nhân cư trú	Áp dụng thuế suất tại Điều 58–62 (5% / 10% / 0,1%).	Cùng thuế suất; ngưỡng 20 triệu/lần vẫn áp dụng.	Xác định 'từng lần' phát sinh và giá thị trường.	Điều 65; Điều 58–62